

Số: 54/QĐ-SGDĐT

Quảng Trị, ngày 11 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;

Căn cứ Công văn số 05/STC-TCHCSN ngày 04/01/2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị về việc thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách quản lý hành chính và chi sự nghiệp giáo dục chung toàn ngành năm 2022 của cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị như biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng, Trưởng phòng của Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban GD, CBCC cơ quan;
- Lưu: VT, KHTC.



Lê Thị Hương



Điều số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

VP SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 54/QĐ- SGDDT ngày 11/01/2022 của Sở GD&ĐT Quảng Trị)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Theo TBĐT số 05/STC-HCSN V/v giao DTNS 2022 ngày 4/1/2021 của Sở TC

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0,0
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	59.362.000.000
1	Chi quản lý hành chính	7.310.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.675.000.000
	Chi cho con người	5.785.000.000
	Chi cho công việc (Khoản chi HC)	890.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	635.000.000
	- Trang phục thanh tra:	25.000.000
	- Hỗ trợ tiền nhiên liệu, thuê xe ô tô phục vụ chỉ đạo dạy và học:	41.000.000
	- Hỗ trợ tiền công tác phí phục vụ chỉ đạo dạy và học:	162.000.000
	- Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác	130.000.000
	- Kinh phí chi trả cho Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	277.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	52.052.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	52.052.000.000
	Kinh phí hoạt động toàn ngành	9.315.000.000
	Kinh phí BDTX cán bộ quản lý, giáo viên	3.240.000.000
	Kinh phí ĐTBĐ cán bộ, viên chức ngành giáo dục	1.633.000.000
	Kinh phí ứng dụng CNTT trong dạy học	2.557.000.000
	Kinh phí Kỳ thi tốt nghiệp THPT	4.050.000.000
	Kinh phí bảo dưỡng, Sửa chữa tài sản công	5.000.000.000
	Kinh phí thực hiện đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho đổi mới chương trình giáo dục MN, PT	3.708.000.000
	Kinh phí Biên soạn tài liệu giáo dục địa phương	1.134.000.000
	Kinh phí Mua sắm thiết bị dạy học lớp 2	4.050.000.000
	Kinh phí Mua sắm thiết bị dạy học lớp 6	16.200.000.000



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Kinh phí nâng cao trình độ chuẩn giáo viên	873.000.000
	Kinh phí Mua sắm thiết bị khai giảng	292.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>CTMT quốc gia giáo dục vùng khó, miền núi NSTW</i>	
	<i>CTMT quốc gia giáo dục vùng khó, miền núi NST</i>	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	

